

Bản tin Phân tích kỹ thuật

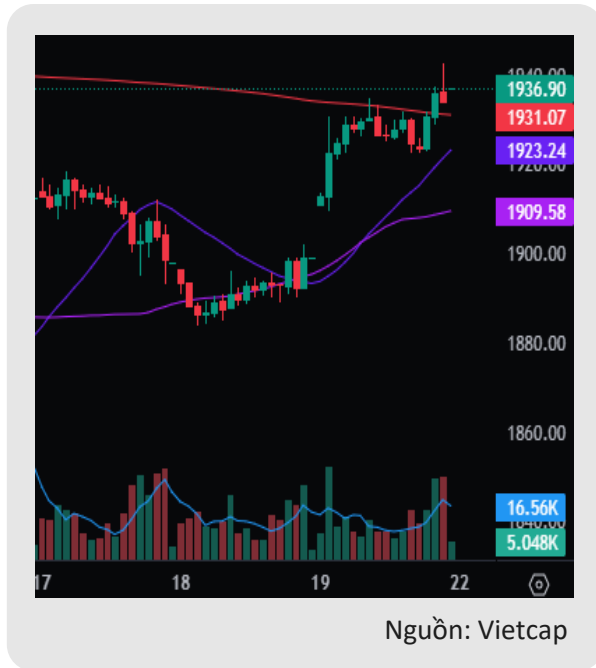
19/12/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G1000 đóng cửa trên các đường MA20, MA50 và MA200, giữ tín hiệu tăng giá đến cuối ngày. (M15)
- Vị thế mua được ưu tiên với dự báo kiểm định mốc 1.950 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.929 điểm. (M5)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.934 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.950 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.929 điểm

Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index cải thiện biên độ tăng giá và hoạt động mua có phần gia tăng trên các nhóm ngành khác như Bất động sản và Chứng khoán. Chỉ số đóng cửa vượt mốc tâm lý 1.700 điểm. Trong ngắn hạn, tín hiệu trên VN-Index và VN30-Index nâng lên mức Tích cực và VNMidcap được nâng lên mức Trung tính.
- Hoạt động mua cải thiện trên nhóm Bất động sản, Chứng khoán, Bảo hiểm và Bán lẻ. Đáng chú ý, tại vùng giá cao, không ghi nhận lực cung bất thường trong phiên 19/12. Về tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn, 90% cổ phiếu Ngân hàng, 60% cổ phiếu Bất động sản và 80% cổ phiếu Chứng khoán thỏa mãn các tiêu chí hình thành giai đoạn hồi phục/tăng giá ổn định.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, vùng 1.770-1.795 điểm sẽ là mục tiêu tiếp theo của VN-Index. Khu vực 1.695 (+/-5) điểm đóng vai trò thu hút hoạt động mua mới, cân bằng áp lực bán trong ngày nếu có. Ngưỡng 1.680 điểm là ngưỡng dừng lỗ/giảm tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn đang có/mở mới.

Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT



MWG

- MWG duy trì dao động trong kênh giá tăng. Đáng chú ý, hoạt động mua cải thiện sau khi tiếp cận vùng dưới kênh giá (phiên 16/12) giúp cổ phiếu vượt các đường MA20 và MA50.
- Dựa trên gia tốc tăng ổn định, vị thế mua có thể mở trên MWG với mục tiêu là vùng 89.000.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
82.300-82.900	89.000	79.700



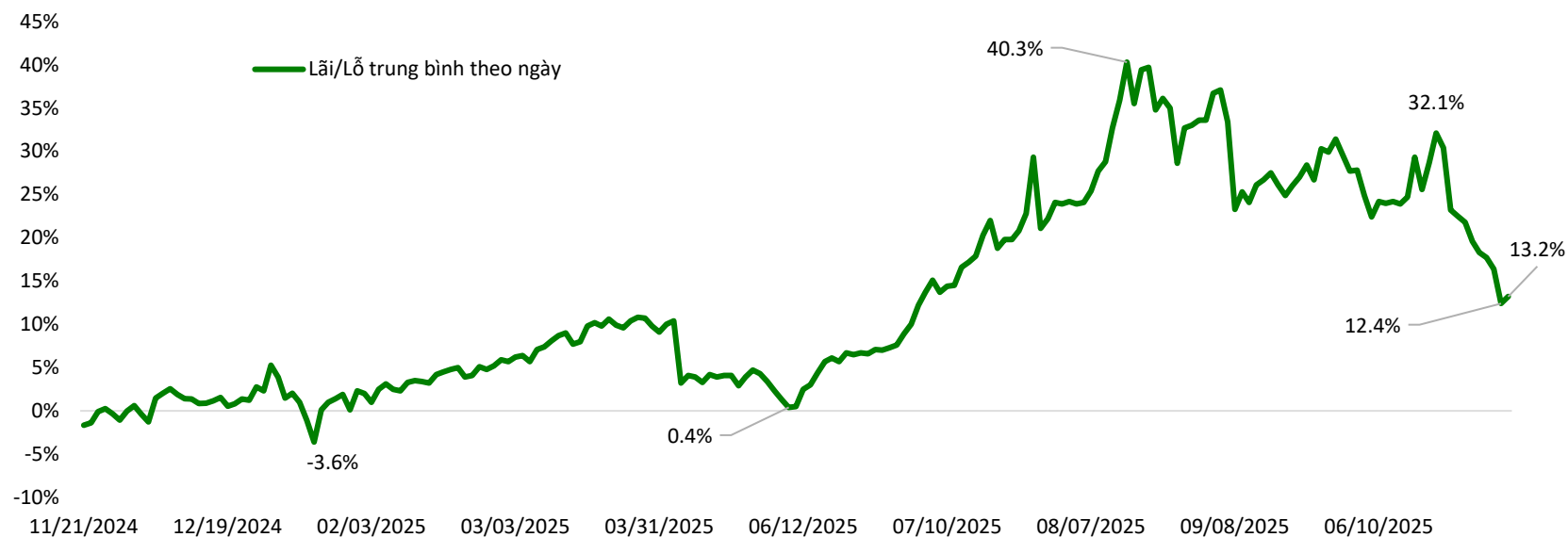
PVI

- PVI duy trì hỗ trợ quanh vùng 86.000 trong giai đoạn điều chỉnh trước. Ngoài ra, hoạt động mua có xu hướng cải thiện trong thời gian gần đây, góp phần thúc đẩy đà tăng ngắn hạn.
- Lưu ý, PVI có biên độ dao động cao và vị thế mua nên được giữ ở tỷ trọng thấp/thăm dò.

Giá mua	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ
90.600-92.500	100.000	88.000

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
VNM	19/12/2025		Đang mở	64,000	63,400	0.9%	61,500	70,000		
PVS	19/12/2025		Đang mở	32,300	32,300	0.0%	31,100	36,000		
BID	19/12/2025		Đang mở	37,700	37,500	0.5%	37,300	41,000		
TCB	19/12/2025		Đang mở	33,600	33,100	1.5%	32,000	36,200		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	148,500	4.06%	3.13%	1,144,346	9.764	1,147	7.9	129.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	101,500	6.95%	7.86%	416,902	6.087	6,133	1.9	16.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	93,800	5.63%	10.74%	168,212	1.988	-60	4.7	-1,573.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	57,500	1.23%	1.23%	480,451	1.243	4,202	2.2	13.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	15,950	6.69%	18.15%	79,866	1.121	413	1.4	38.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	33,600	1.82%	5.00%	238,098	0.909	3,111	1.5	10.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	199,900	3.09%	8.05%	118,263	0.768	2,897	4.9	69.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	31,700	4.45%	15.48%	72,032	0.673	2,144	1.6	14.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	75,800	2.43%	3.13%	109,600	0.560	2,196	3.3	34.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	30,800	3.18%	9.61%	76,726	0.513	1,869	2.5	16.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	26,700	1.14%	2.69%	204,935	0.489	1,876	1.6	14.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BID	37,700	-0.79%	1.89%	264,705	-0.439	3,781	1.6	10.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
MWG	82,900	1.59%	5.61%	121,735	0.407	3,956	3.9	21.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
STB	49,000	2.08%	6.52%	92,376	0.404	6,519	1.5	7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	47,700	1.71%	8.78%	110,249	0.395	2,390	2.6	20.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIF	16,000	6.67%	3.23%	5,600	0.223	738	1.1	21.7	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDC	37,200	2.20%	4.49%	14,117	0.185	4,849	2.2	7.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	21,300	1.43%	4.93%	19,159	0.163	1,518	1.6	14.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	32,300	-1.52%	6.95%	16,519	-0.150	2,841	1.2	11.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHC	135,800	9.60%	28.84%	2,231	0.128	1,616	3.5	84.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVI	92,500	0.98%	3.93%	21,667	0.127	5,156	2.4	17.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MBS	26,400	1.15%	0.38%	17,390	0.119	1,666	2.5	15.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	11,900	-2.46%	2.59%	8,125	-0.119	1,116	0.9	10.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BAB	12,100	-1.63%	-2.42%	12,139	-0.118	1,055	1.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	22,600	1.35%	2.26%	12,824	0.103	360	2.1	62.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	51,500	-1.90%	-2.46%	185,145	-0.455	2,971	2.8	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DNH	38,500	-14.63%	-27.36%	16,262	-0.307	2,417	13.4	15.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
AIG	50,000	10.86%	13.64%	8,302	0.116	4,846	1.4	10.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MSR	25,200	-3.08%	-3.08%	27,993	-0.111	-389	2.3	-65.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	44,100	1.61%	0.23%	49,794	0.104	1,438	3.7	28.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMF	413,000	14.03%	3.51%	3,291	0.060	33,650	2.5	12.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VGR	68,000	6.25%	20.14%	6,866	0.055	5,256	5.6	15.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	34,000	-0.87%	0.00%	45,165	-0.051	5,767	1.5	5.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	69,700	-0.14%	1.01%	210,340	-0.039	3,046	5.6	22.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	62,300	0.65%	1.80%	46,375	0.039	4,405	4.5	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

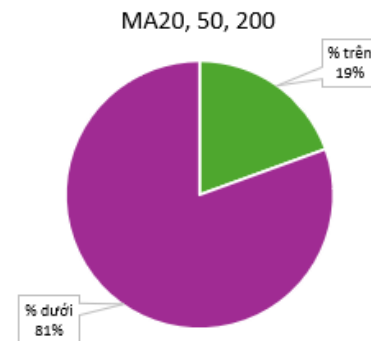
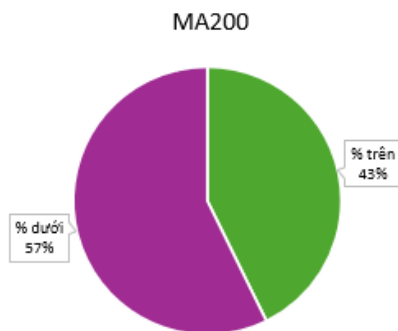
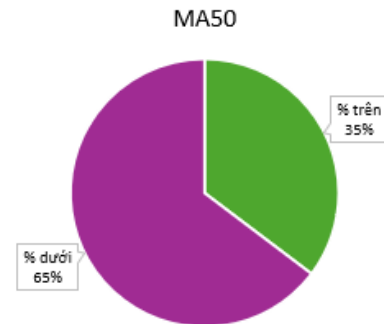
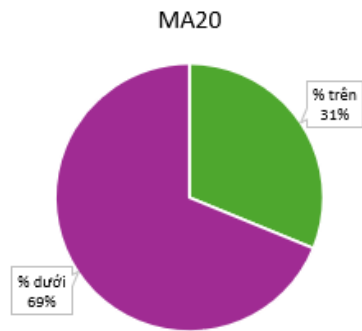
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	25,950	1.4%	549.8	473.7	14,034	25,793	2.0	8.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	27,600	1.8%	289.2	230.4	16,282	27,100	0.9	17.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AIG	50,000	10.9%	8.6	0.7	38,900	48,200	1.4	10.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
POM	4,800	14.3%	5.7	0.5	1,400	4,200	-7.0	-1.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	70,200	-6.3%	2624.9	328.1	73,100	119,000	1.7	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	32,000	-3.0%	6.5	0.7	33,000	64,200	2.1	30.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
AIG	50,000	10.9%	8.6	0.7	38,900	48,200	1.4	10.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
FTS	34,150	6.7%	138.2	30.6	31,800	46,401	2.8	27.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	70,200	-6.3%	2624.9	328.1	73,100	119,000	1.7	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			19/12/2025	18/12/2025	17/12/2025	16/12/2025	15/12/2025	12/12/2025	11/12/2025	10/12/2025	09/12/2025	08/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	46%	44%	43%	44%	40%	41%	50%	50%	51%	54%
		Dưới	54%	56%	57%	56%	60%	59%	50%	50%	49%	46%
	MA50	Trên	32%	32%	28%	30%	25%	25%	35%	36%	36%	38%
		Dưới	68%	68%	72%	70%	75%	75%	65%	64%	64%	62%
	MA20	Trên	28%	27%	25%	28%	20%	19%	33%	35%	38%	40%
		Dưới	72%	73%	75%	72%	80%	81%	67%	65%	62%	60%
VN30	MA200	Trên	70%	73%	67%	67%	63%	57%	73%	73%	73%	77%
		Dưới	30%	27%	33%	33%	37%	43%	27%	27%	27%	23%
	MA50	Trên	30%	30%	30%	30%	17%	13%	33%	37%	33%	40%
		Dưới	70%	70%	70%	70%	83%	87%	67%	63%	67%	60%
	MA20	Trên	40%	33%	33%	37%	7%	10%	23%	40%	40%	43%
		Dưới	60%	67%	67%	63%	93%	90%	77%	60%	60%	57%
HNX	MA200	Trên	43%	41%	41%	43%	43%	40%	45%	44%	45%	47%
		Dưới	57%	59%	59%	57%	57%	60%	55%	56%	55%	53%
	MA50	Trên	38%	35%	36%	36%	34%	34%	36%	35%	36%	38%
		Dưới	62%	65%	64%	64%	66%	66%	64%	65%	64%	62%
	MA20	Trên	43%	41%	41%	43%	43%	40%	45%	44%	45%	47%
		Dưới	57%	59%	59%	57%	57%	60%	55%	56%	55%	53%
UPCOM	MA200	Trên	32%	32%	32%	32%	32%	30%	33%	35%	36%	37%
		Dưới	68%	68%	68%	68%	68%	70%	67%	65%	64%	63%
	MA50	Trên	36%	36%	36%	36%	36%	34%	36%	38%	37%	38%
		Dưới	64%	64%	64%	64%	64%	66%	64%	62%	63%	62%
	MA20	Trên	41%	41%	41%	42%	41%	41%	42%	42%	43%	43%
		Dưới	59%	59%	59%	58%	59%	59%	58%	58%	57%	57%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	17	Tháng 12														Tháng 11						
		19 ↓	18	17	16	15	12	11	10	09	08	05	04	03	02	01	28	27	26	25	24	
🏆	1	Y tế	70	68	67	64	63	66	71	70	74	77	78	76	77	72	51	48	42	41	-	-
	2	Công nghệ Thông tin	54	54	55	55	55	58	47	46	44	44	46	45	42	40	37	42	42	40	46	52
	3	Dầu khí	53	49	47	39	31	42	40	40	50	47	49	49	49	48	46	48	49	49	46	50
📉	4	Du lịch và Giải trí	51	47	48	45	45	50	53	56	57	58	57	56	54	54	54	54	52	50	45	42
📉	5	Thực phẩm và đồ uống...	50	49	49	48	46	51	55	56	56	57	53	55	54	54	50	53	56	57	57	56
	6	Bán lẻ	48	48	45	43	46	63	74	81	84	83	83	85	77	73	70	71	74	73	67	70
	7	Điện, nước & xăng d...	47	45	46	41	36	44	47	49	50	54	53	54	55	56	56	58	59	58	60	63
	8	Hàng cá nhân & Gia ...	46	47	45	44	42	47	51	53	59	62	62	64	63	63	65	66	63	60	61	64
📉	9	Xây dựng và Vật liệu	45	46	45	40	38	50	54	57	57	58	47	49	46	46	42	45	45	43	41	41
	10	Bảo hiểm	42	41	40	37	35	44	49	51	55	54	41	45	41	37	42	44	45	46	47	55
	11	Tài nguyên Cơ bản	41	41	41	39	36	43	49	51	52	48	45	48	43	42	44	49	48	46	47	50
📉	12	Hóa chất	38	37	39	37	36	44	49	52	53	56	55	59	56	52	51	53	54	54	54	54
📉	13	Hàng & Dịch vụ Cón...	35	38	37	35	34	43	46	47	48	47	48	50	49	48	45	50	53	51	44	45
📉	14	Ngân hàng	33	31	35	31	31	37	42	42	45	48	45	49	43	35	31	35	34	32	29	29
📉	15	Bất động sản	30	28	28	26	26	37	46	50	54	56	53	58	52	49	42	51	52	53	50	51
	16	Ô tô và phụ tùng	27	28	26	25	22	28	30	31	21	23	22	27	25	25	20	27	37	36	41	44
	17	Dịch vụ tài chính	21	17	18	15	13	16	20	20	19	22	16	24	18	16	13	14	16	16	18	19

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HDB	25,950	1.4%	11.4%	129,887	2.0	8.4	3,082	549.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	92,500	0.7%	3.0%	31,556	2.6	13.4	6,914	50.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	59,500	3.1%	4.2%	19,043	3.7	51.8	1,149	86.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	32,300	-1.5%	7.0%	16,519	1.2	11.4	2,841	115.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	27,600	1.8%	16.9%	15,342	0.9	17.2	1,602	289.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	17,000	2.4%	5.6%	9,837	1.3	6.5	2,609	21.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AIG	50,000	10.9%	13.6%	8,302	1.4	10.0	4,846	8.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PHR	57,800	1.4%	6.1%	7,832	1.9	11.7	4,945	12.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	24,200	0.8%	7.3%	6,967	1.6	10.7	2,265	25.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DHC	34,100	4.4%	6.4%	3,294	1.5	10.7	3,182	17.5	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TRA	74,300	6.9%	9.9%	3,080	2.1	11.9	6,231	6.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SHI	16,900	-3.2%	8.7%	2,872	1.6	50.8	333	9.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ELC	23,900	0.2%	4.1%	2,631	2.1	18.7	1,277	19.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FCN	16,300	-2.1%	7.1%	2,566	1.0	93.0	175	23.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV2	36,300	3.4%	4.1%	2,451	1.9	37.3	973	10.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
NAF	35,900	-0.3%	4.4%	2,196	2.4	18.2	1,974	12.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NNC	69,800	-0.1%	12.8%	1,530	3.2	13.4	5,228	7.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTZ	19,200	0.0%	5.5%	1,462	1.7	21.7	884	26.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
POM	4,800	14.3%	14.3%	1,337	-7.0	-1.9	-2,555	5.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	64,500	-0.6%	11.2%	950	2.0	9.7	6,686	9.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HVN	25,700	-1.7%	-2.7%	79,966	14.3	6.8	3,765	67.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	61,300	0.0%	-6.1%	63,446	3.0	17.1	3,576	6.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEA	34,000	-0.9%	0.0%	45,165	1.5	5.9	5,767	14.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	70,200	-6.3%	-23.7%	26,660	1.7	8.5	8,296	2,624.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	44,000	-2.2%	-3.9%	9,677	1.7	11.3	3,894	7.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SEA	32,000	-3.0%	-31.9%	5,062	2.1	30.3	1,338	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CSV	28,000	0.2%	-1.6%	3,094	2.0	13.7	2,037	13.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	16,800	0.3%	-3.7%	1,174	0.8	7.3	2,308	6.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	51,500	-1.9%	-2.5%	185,145	2.8	17.4	2,971	58.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	93,900	-0.5%	0.2%	159,959	4.5	17.8	5,280	422.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	61,900	0.7%	-0.6%	33,529	1.7	13.0	4,776	21.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,500	-1.6%	-0.2%	18,158	2.0	13.1	3,090	16.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	26,400	1.1%	0.4%	17,390	2.5	15.8	1,666	62.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	31,900	-0.2%	-0.9%	16,888	1.6	8.9	3,578	23.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	54,500	0.0%	-0.9%	12,233	1.3	7.9	6,944	17.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	83,700	-0.1%	1.1%	9,574	4.4	16.3	5,128	12.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTD	79,300	-1.5%	-0.9%	8,043	0.9	12.1	6,560	30.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	20,000	-0.5%	1.3%	7,487	1.4	16.6	1,206	86.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	35,200	-0.4%	-1.7%	7,453	2.4	19.2	1,833	6.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	10,900	-0.5%	0.9%	6,862	1.3	8.0	1,355	37.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NLG	31,700	0.96%	-3.65%	52,100	65.9%	2,127	1.6	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	70,200	-6.28%	-23.70%	118,000	57.5%	8,296	1.7	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,500	-1.58%	-0.25%	64,100	55.8%	3,090	2.0	13.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,750	0.00%	-0.59%	25,500	52.2%	178	1.3	94.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	32,650	1.71%	7.05%	48,500	51.1%	857	2.0	38.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,850	4.53%	3.75%	20,000	50.9%	(1,946)	0.7	-7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	9,400	3.52%	3.52%	13,600	49.8%	639	0.9	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	37,200	2.20%	4.49%	54,000	48.4%	4,849	2.2	7.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	31,900	-0.16%	-0.93%	46,600	45.9%	3,578	1.6	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	52,200	1.75%	-1.51%	73,900	44.1%	5,474	2.5	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,550	0.00%	1.90%	42,400	43.5%	1,763	1.7	16.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,900	0.21%	1.70%	33,300	39.6%	3,385	1.3	7.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	17,800	3.19%	6.27%	24,000	39.1%	400	1.6	44.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	75,800	2.43%	3.13%	101,200	36.8%	2,196	3.3	34.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	30,800	3.18%	9.61%	40,800	36.7%	1,869	2.5	16.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DPG	40,550	0.25%	-1.58%	55,200	36.5%	3,037	1.9	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	33,600	1.82%	5.00%	44,800	35.8%	3,111	1.5	10.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,700	1.14%	2.69%	35,700	35.2%	1,876	1.6	14.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	28,450	0.53%	7.16%	38,000	34.3%	2,603	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GMD	59,500	1.88%	3.66%	78,200	33.9%	3,498	2.0	17.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn